

Số: 07 /QĐ-THADS

Phú Thọ, ngày 16 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách và thu, chi phí thi hành án và nguồn khác 12 tháng năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC hướng dẫn công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ các Quyết định về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ tình hình thực hiện thu, chi dự toán ngân sách nhà nước, thu - chi phí thi hành án và nguồn khác của đơn vị 12 tháng năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH;

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách và thu, chi phí thi hành án và nguồn khác của đơn vị 12 tháng năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Chi tiết theo biểu đính kèm).

Hình thức công khai: Trên trang thông tin điện tử của THADS tỉnh Phú Thọ

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyền Trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán, Chánh văn phòng và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý THADS (để b/c);
- Trưởng THADS tỉnh (để b/c);
- Phó trưởng THADS (để b/c);
- Trang TTĐT (đăng tải);
- Lưu :VT, HSKT (NS).

KT. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Ngô Mạnh Cường

Đơn vị: **Thị hành án dân sự tỉnh Phú Thọ**
Chương: **014**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 12 THÁNG NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT - BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Thị hành án dân sự tỉnh Phú Thọ công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách, thu chi tiền phí thi hành án 12 tháng năm 2025 như sau:

ĐV tính: VNĐ

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	4,713,000,000	8,364,434,979	177%	-
1	Phí thi hành án	1,178,250,000	2,091,108,745	177%	-
1.1	Nộp NSNN	942,600,000	1,672,886,996	177%	
1.2	Trích lại sử dụng	2,592,150,000	4,600,439,238	177%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2,592,150,000	2,592,150,000		
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính	2,592,150,000	2,592,150,000	100%	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2,592,150,000	2,592,150,000	100%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	942,600,000	1,672,886,996	177%	
1	Phí thi hành án	942,600,000	1,672,886,996	177%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	231,682,693,553	210,928,178,362	146.98%	-
1	Chi quản lý hành chính	231,553,393,553	210,855,878,362	91.06%	-
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	90,315,358,391	78,604,817,316	87.03%	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12,970,281,000	3,983,306,884	30.71%	
1.3	KP chi tính giảm biên chế (NĐ 178)	128,267,754,162	128,267,754,162	100.00%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 12 tháng năm 2025	Ước thực hiện/ Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	129,300,000	72,300,000	55.92%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	129,300,000	72,300,000	55.92%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

